

HOSE

06/05/2014

 VNINDEX 555.11 -9.74 -1.72%

 KLGD 100,641,650 CP
 GTGD 1,627.10 Tỷ
 GTR NDTNN 17.63 Tỷ

 CP Tăng giá 36 CP
 CP Giảm giá 209 CP
 CP Đứng giá 59 CP


HNX

06/5/2014

 HNXINDEX 76.55 -0.82 -1.06%

 KLGD 82,878,569 CP
 GTGD 755.25 Tỷ
 GTR NDTNN 13.32 Tỷ

 CP Tăng giá 64 CP
 CP Giảm giá 176 CP
 CP Đứng giá 139 CP


VN30 & HNX30 INDEX

 VN30 605.20 -9.16 -1.49%
 HNX30 150.96 -1.61 -1.06%

Tâm điểm

- ▶ **Đà bán tháo xuất hiện nhưng lại có sự hồi phục nhẹ cuối phiên**
- ▶ **Thanh khoản thị trường tiếp tục gia tăng trong phiên hôm nay**
Tổng giá trị giao dịch đạt mức khoảng 2,300 tỷ đồng.
- ▶ **Lượng đường tồn kho trong nước đang ở mức cao kỷ lục**
Theo thông tin từ Hiệp Hội Mía đường Việt Nam Vietnamplus
- ▶ **Kiểu hối quý 1 đạt 1 tỉ USD**
Số này tương đương với cùng kỳ năm 2013 và ở mức tương đối khá Tuổi Trẻ
- ▶ **EU hạ thấp triển vọng tăng trưởng do rủi ro lạm phát thấp**
Theo EC dự báo, GDP của EU sẽ tăng trưởng ở 1.7% trong năm 2015 Bloomberg
- ▶ **PVS: Quý 1, Công ty mẹ lãi hơn 285 tỷ đồng**
Tăng 117.46% so với cùng kỳ năm trước
Đầu tư Chứng khoán
- ▶ **VNM: Lãi sau thuế quý 1/2014 hơn 1,394 tỷ đồng**
Tương đương với 23% kế hoạch năm .
Đầu tư Chứng khoán

Thị trường / Ngành

	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
Theo thị trường					
HOSE	1,018,570	13.9	3.3	23.2%	11.9%
HNX	128,330	17.2	1.6	8.9%	4.0%
Toàn bộ thị trường	1,146,900	14.5	3.1	22.4%	11.2%

Theo ngành

Nhựa, cao su & sợi	7,482	6.5	1.0	15.7%	10.4%
Sản phẩm hóa dầu, Nông dược &	19,843	6.8	1.5	23.4%	17.3%
Thép và sản phẩm thép	36,118	18.6	2.0	18.9%	8.1%
Khai khoáng	12,220	52.5	5.0	2.1%	1.5%
Vật liệu xây dựng & Nội thất	19,978	18.5	1.4	17.2%	9.3%
Xây dựng	31,095	65.4	1.1	1.6%	1.6%
Máy công nghiệp	8,308	7.2	1.3	19.3%	13.0%
Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng	8,984	11.1	1.4	16.5%	12.4%
Lốp xe	6,879	8.3	2.2	29.0%	12.8%
Nuôi trồng nông & hải sản	14,587	13.9	1.3	12.3%	5.9%
Thực phẩm	209,256	23.5	5.5	24.5%	18.4%
Dược phẩm	16,142	12.9	3.3	26.0%	17.0%
Phần mềm	19,159	11.8	2.6	23.7%	10.0%
Sản xuất & phân phối điện	22,236	7.2	1.2	18.6%	9.2%
Phân phối xăng dầu & khí đốt	194,682	15.0	5.5	39.9%	25.2%
Bảo hiểm nhân thọ	24,973	22.0	2.1	9.4%	2.3%
Môi giới chứng khoán	24,585	13.8	1.4	8.2%	5.8%
Ngân hàng	250,276	11.1	1.3	11.6%	0.9%
Bất động sản	138,748	12.6	2.6	30.5%	6.6%
Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí	36,601	9.5	2.0	21.7%	8.4%

Thống kê thị trường

- ▶ HOSE: Thống kê và nhận định thị trường
- ▶ HNX: Thống kê và nhận định thị trường
- ▶ Tổng hợp chỉ số ngành toàn thị trường

Sac Q. Nguyen

sacnq@vietinbanksc.com.vn

Lượng đường tồn kho trong nước đang ở mức cao kỷ lục

Kiều hối quý 1 đạt 1 tỉ USD

EU hạ thấp triển vọng tăng trưởng do rủi ro lạm phát thấp

Sac Q. Nguyen

sacnq@vietinbanksc.com.vn

TS4: Lãi ròng quý 1 đạt 3.4 tỷ đồng

PVS: Quý 1, Công ty mẹ lãi hơn 285 tỷ đồng

VNM: Lãi sau thuế quý 1/2014 hơn 1,394 tỷ đồng

► Tin kinh tế

Theo Hiệp hội Mía đường Việt Nam, cuối tháng Tư, lượng đường tồn kho trong nước ở mức cao nhất từ trước tới nay. Cụ thể tổng lượng đường tồn kho hiện nay là hơn 690,000 tấn, trong đó tồn kho tại các nhà máy là 663,611 tấn, và tại các công ty thương mại thuộc Hiệp hội là 26,783 tấn. Với tình hình đường tồn kho đang ở mức rất cao vào cuối vụ nhưng mùa Hè đang đến, nhu cầu đường tăng lên, Hiệp hội Mía đường Việt Nam dự báo giá đường có khả năng được cải thiện trong tháng Năm. Được biết, trong tháng Tư, giá bán buôn đường kính trắng đã tăng ở cả ba miền.

Ông Nguyễn Hoàng Minh, phó giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh TP.HCM, cho biết kiều hối chuyển về địa bàn TP.HCM qua hệ thống ngân hàng trong quý 1-2014 đạt 1 tỉ USD. Số này tương đương với cùng kỳ năm 2013 và ở mức tương đối khá vì cao điểm kiều hối trong quý 1 chỉ rơi vào tháng 1 là thời điểm cận tết, các tháng sau đó số tiền chuyển về rất ít. Do chênh lệch tỉ giá giữa ngân hàng và thị trường tự do không đáng kể, đa số người dân có xu hướng bán lại ngoại tệ cho ngân hàng thay vì nhận nguyên tệ như trước đây. Mặt khác do nguồn cung ngoại tệ trên thị trường khá dồi dào nên giá mua bán USD tại các ngân hàng luôn duy trì dưới giá trần khá xa.

Ủy ban châu Âu (EC) dự báo, GDP của khu vực đồng euro sẽ tăng trưởng ở 1.7% trong năm 2015, thấp hơn so với dự báo hồi tháng 2 là 1.8%. Lạm phát sẽ ở mức 0.8% trong năm 2014 và 1.2% trong năm 2015. Cả hai có số này đều thấp hơn so với dự báo trước đó của EC và thấp hơn rất nhiều so với mức mục tiêu của Ngân hàng Trung ương châu Âu (ECB) là 2%.

► Tin doanh nghiệp

CTCP Thủy sản Số 4 (HOSE: TS4) công bố BCTC quý 1/2014 với doanh thu đạt 276.9 tỷ đồng, tăng 17.3% cùng kỳ. Lãi ròng tăng 11% cùng kỳ, đạt 3.4 tỷ đồng. Giá vốn hàng bán tăng thấp hơn doanh thu nên lợi nhuận gộp tăng 27.1%, đạt 38.7 tỷ đồng. Chi phí lãi vay trong quý giảm 38% còn 7.5 tỷ đồng. Chi phí bán hàng tăng 59.6%, ứng với 24.3 tỷ đồng. Ngược với chi phí bán hàng thì chi phí quản lý giảm 13%, còn 2.8 tỷ đồng. Sau cùng lãi ròng đạt 3.4 tỷ đồng, tăng 11% cùng kỳ.

Tổng CTCP Dịch vụ Kỹ thuật dầu khí Việt Nam (HNX: PVS) vừa công bố báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh Công ty mẹ quý 1/2014. Theo đó, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ đạt gần 2,197 tỷ đồng, tăng 58.5% so với quý 1/2013, trong đó, doanh thu hoạt động tài chính đạt gần 205.4 tỷ đồng, tăng 109.6% so với cùng kỳ năm ngoái và lợi nhuận sau thuế đạt 285.13 tỷ đồng, tăng 117.46% so với cùng kỳ. Được biết, theo kế hoạch kinh doanh năm 2014 đã thông qua tại ĐHCĐ, Công ty mẹ đặt mục tiêu tổng doanh thu 7,610 tỷ đồng, lợi nhuận hợp nhất sau thuế 700 tỷ đồng và tỷ lệ chia cổ tức 12%. Như vậy, quý 1, Công ty mẹ đã hoàn thành 28.87% kế hoạch doanh thu và 40.71% kế hoạch lợi nhuận cả năm.

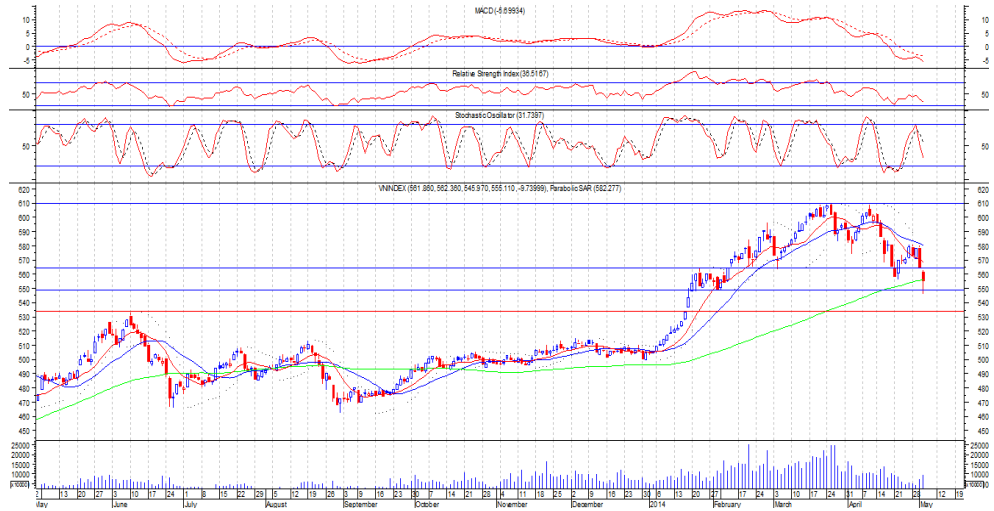
CTCP Sữa Việt Nam – Vinamilk (HOSE: VNM) công bố doanh thu thuần hợp nhất trong kỳ của công ty vẫn giữ mức tăng trưởng so với cùng kỳ năm trước và đạt 7,678 tỷ đồng, tăng 13% so với quý 1/2013. Lợi nhuận gộp của công ty cũng tăng 4% lên đạt 2,565 tỷ đồng với tỷ suất lãi gộp 33%. Cũng trong quý 1/2014, Vinamilk cho biết đã tăng cường triển khai nhiều hoạt động bán hàng, thực hiện các chương trình tiếp thị, khuyến mãi người tiêu dùng nhằm cải thiện sức mua và giảm thị phần. Lợi nhuận trước thuế và sau thuế của Vinamilk lần lượt đạt 1,743 tỷ và 1,394 tỷ đồng, tương đương 23% kế hoạch năm (lợi nhuận sau thuế kế hoạch 2014 là 5,993 tỷ đồng).

HOSE 06/05/2014 VNINDEX 555.11 -9.74 -1.72% 100,641,650 CP 1,627.10 bil VND

Đà bán tháo lan rộng nhưng lại có sự hồi phục nhẹ cuối phiên

VN-Index giảm 9.74 điểm (-1.72%), đóng cửa tại mức 555.11 điểm. VN-Index hình thành cây nến đỏ, thân nến dài, đóng cửa ở mức tương đương với ngưỡng MA100.

- MACD tiếp tục sụt giảm mạnh. Đây là tín hiệu khá xấu.
- Stochastic Oscillator giảm mạnh và sắp đi vào vùng quá bán.
- RSI sụt giảm xuống mức 36.
- 2 đường MA10 và MA20 tiếp tục đi xuống, MA100 đóng vai trò hỗ trợ khá tốt cho VN-Index phiên hôm nay.
- DI-, DI+ tiếp tục gia tăng khoảng cách.



HOSE Top 5 theo KLGD

ITA	-0.1 (-1.2%)	6,857,290
FLC	-0.5 (-4.9%)	5,865,780
SSI	-0.5 (-2.0%)	5,527,320
HAG	-0.5 (-2.0%)	4,323,980
HQC	-0.1 (-1.5%)	3,665,950

HOSE Top 5 theo % tăng

TDW	1.2 (7.0%)	30
BMC	2.1 (7.0%)	144,150
CLP	0.2 (6.5%)	760
KAC	0.9 (6.4%)	1,110
ASIAGF	0.5 (6.3%)	10

HOSE Top 5 theo % giảm

AGM	-1.9 (-13.1%)	1,220
UIC	-1.6 (-9.8%)	31,200
PXM	-0.1 (-7.1%)	1,730
TMS	-2.4 (-7.0%)	3,000
RDP	-1 (-6.9%)	310

HOSE Top 5 Mua ròng NDTNN

GAS	35,1 tỷ	363,120
HPG	6,3 tỷ	137,390
PVT	6,1 tỷ	460,500
FCN	6,0 tỷ	266,890
DRC	5,7 tỷ	132,900

HOSE Top 5 Bán ròng NDTNN

CNG	-35,0 tỷ	899,100
VIC	-15,2 tỷ	240,250
HAG	-13,6 tỷ	555,990
DXG	-6,5 tỷ	457,440
KBC	-3,4 tỷ	348,780

GD NDTNN	KL Ròng	GT Ròng (tỷ)
HOSE	471,520	17.63

Nhận định / Bình luận thị trường

- ▶ TT giảm điểm mạnh, hàng loạt các mã rơi vào trạng thái bán tháo. VN-Index có thời điểm giảm hơn 18 điểm. Tuy vậy thì đã thu hẹp đà giảm lúc đóng cửa.
- ▶ KLGD gia tăng, đặc biệt gia tăng mạnh lúc VN-Index mất điểm sâu, đạt 98 triệu đơn vị. Vượt bình quân 20 phiên, điều này cho thấy được đà bắt đáy gia tăng.
- ▶ Khối ngoại mua ròng nhẹ 17,6 tỷ trong phiên hôm nay. Nhịp mua ròng tiếp tục tạo niềm tin khá tốt giúp nâng đỡ TT trong giai đoạn này
- ▶ Vùng hỗ trợ 550 - 560 điểm tỏ rõ sự nâng đỡ khá tốt cho thị trường. Vùng đáy được kiểm chứng lại khá tốt. Nhiều khả năng sẽ có sự hồi phục nhẹ của VN-Index.
- ▶ NĐT mạo hiểm có thể xem xét mua tích lũy nhóm CP cơ bản tốt với kỳ vọng chu kỳ tăng trung hạn. Nếu vùng hỗ trợ bị phá vỡ thì nên tránh các hoạt động bắt đáy.

HOSE - Top 10 theo vốn hóa

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	ROE	ROA
GAS	1,895.0	98.0	185,710.00	15.4	5.7	40.6%	25.7%
VNM	833.4	133.0	110,847.56	17.7	6.6	39.6%	30.7%
MSN	734.9	91.5	67,244.39	149.6	4.9	3.2%	1.1%
VCB	2,317.4	26.5	61,411.55	15.3	1.6	10.4%	1.0%
CTG	3,723.4	15.5	57,712.77	8.7	1.1	13.2%	1.1%
VIC	908.8	63.5	57,706.43	8.8	4.2	54.2%	10.3%
BID	2,811.2	15.2	42,730.28	10.2	1.4	13.8%	0.8%
HPG	481.9	47.9	23,083.51	10.1	2.3	25.0%	10.7%
BVH	680.5	33.7	22,931.89	22.0	2.1	9.4%	2.3%
PVD	275.3	81.5	22,433.54	11.4	2.4	22.4%	9.3%

HOSE - Cổ phiếu khuyến nghị theo dõi / mua / bán / nắm giữ

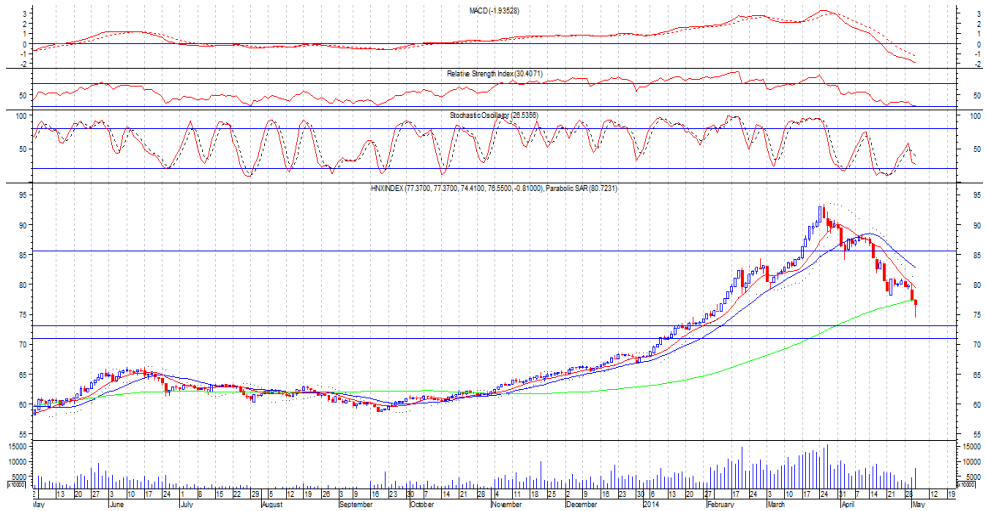
Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	Giá mục tiêu	Khuyến nghị
PVT	232.6	13.3	3,093.58	13.7	1.2	NA	TH.DOI
FPT	275.1	65.0	17,882.76	11.7	2.6	NA	TH.DOI
CII	112.9	26.1	2,945.69	21.5	1.9	NA	TH.DOI
BMP	45.5	72.0	3,274.45	9.2	2.3	NA	TH.DOI
VSC	28.6	61.0	1,747.41	7.6	2.0	NA	TH.DOI
FDC	27.6	20.2	557.72	2.0	0.8	NA	TH.DOI

HNX 06/05/2014 HNX-Index 76.55 -0.82 -1.06% 82,878,569 CP 755.25 bil. VND

Đà bán tháo lan rộng nhưng lại có sự hồi phục nhẹ cuối phiên

Chỉ số HNX-Index giảm 0.82 điểm (-1.06%), đóng cửa tại mốc 76.55 điểm. HNX-Index tạo thành cây nến đỏ, thân nến dài, giảm điểm, cây nến với bóng dưới dài, gần giống nến búa đảo chiều.

- Chỉ báo Stochastic Oscillator lao dốc và sắp đi vào ngưỡng quá bán.
- MACD tiếp tục sụt giảm mạnh.
- RSI (14) sụt xuống mức 30. Đây là ngưỡng quá bán. Mức thấp nhất kể từ tháng 9/2013.
- 2 đường MA10 và MA20 vẫn đang duy trì trên đường giá và vẫn có xu hướng đi xuống.



HNX Top 5 theo KLGD

SHB	-0.1 (-1.1%)	15,295,080
PVX	0.2 (4.3%)	11,284,520
SCR	0 (0.0%)	7,345,880
KLS	-0.3 (-2.8%)	6,093,270
SHS	-0.4 (-4.4%)	4,029,200

HNX Top 5 theo % tăng

SGH	48.5 (100.0%)	-
S12	0.5 (10.0%)	1,000
TH1	2.8 (10.0%)	100
CAN	2.9 (9.8%)	13,500
PIV	0.4 (9.8%)	6,800

HNX Top 5 theo % giảm

BKC	-1.4 (-10.0%)	100
DNP	-1.8 (-10.0%)	220
VTL	-1.5 (-10.0%)	4,720
TET	-2 (-10.0%)	500
DPC	-1.3 (-9.8%)	500

HNX Top 5 Mua ròng NDTNN

PVS	6,7 tỷ	275,200
AAA	3,6 tỷ	200,000
PVX	1,5 tỷ	319,400
NTP	1,0 tỷ	14,600
SDH	0,8 tỷ	136,900

HNX Top 5 Bán ròng NDTNN

SCR	-1,0 tỷ	124,000
VCG	-0,7 tỷ	55,450
INN	-0,3 tỷ	11,400
CAP	-0,2 tỷ	6,500
PGS	-0,1 tỷ	5,100

GD NDTNN	KL Ròng	GT Ròng (tỷ)
HNX	912,893	13.32

Nhận định / Bình luận thị trường

- ▶ TT giảm điểm mạnh, hàng loạt các mã rơi vào trạng thái bán tháo. HNX-Index có thời điểm giảm điểm hơn 3%. Tuy vậy thị đã thu hẹp đà giảm lúc đóng cửa.
- ▶ KLGD gia tăng, đặc biệt gia tăng mạnh lúc VN-Index mất điểm sâu, đạt 78 triệu đơn vị. Vượt bình quân 20 phiên, điều này cho thấy được đà bắt đáy gia tăng.
- ▶ Khối ngoại mua ròng nhẹ 13 tỷ đồng trong phiên hôm nay. Nhịp mua ròng tiếp tục tạo niềm tin khá tốt giúp nâng đỡ TT trong giai đoạn này
- ▶ Vùng hỗ trợ 74 - 76 điểm tỏ rõ sự nâng đỡ khá tốt cho thị trường. Mẫu hình nến búa đảo chiều xuất hiện. Nhiều khả năng sẽ có sự hồi phục của HNX-Index.
- ▶ NĐT mạo hiểm có thể xem xét mua tích lũy nhóm CP cơ bản tốt với kỳ vọng chu kỳ tăng trung hạn. Nếu vùng hỗ trợ bị phá vỡ thì nên tránh các hoạt động bắt đáy.

HNX - Top 10 theo vốn hóa

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	ROE	ROA
ACB	921.5	16.3	15,020.70	18.5	1.2	6.6%	0.5%
PVS	446.7	25.0	11,167.51	7.0	1.4	21.6%	7.0%
SQC	110.0	78.2	8,602.00	265.3	6.5	-2.4%	-2.0%
SHB	886.1	8.8	7,797.53	10.1	0.8	8.6%	0.7%
VCG	441.7	12.3	5,433.04	12.5	1.1	9.1%	1.9%
OCH	200.0	24.6	4,920.00	29.0	2.3	7.6%	3.4%
PVI	225.4	19.4	4,373.03	13.3	0.7	5.4%	2.9%
NTP	43.3	72.0	3,120.34	10.9	2.6	24.8%	16.7%
LAS	77.8	39.4	3,066.58	7.1	2.2	33.5%	17.5%
VNR	100.8	28.5	2,873.59	9.9	1.2	12.7%	6.9%

HNX - Cổ phiếu khuyến nghị theo dõi / mua / bán / nắm giữ

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	Giá mục tiêu	Khuyến nghị
PGS	38.0	29.2	1,109.60	7.2	1.3	NA	TH.DOI
AAA	19.8	18.2	360.36	7.1	0.7	NA	TH.DOI
VND	96.9	14.4	1,395.89	11.0	1.2	NA	TH.DOI
NTP	43.3	72.0	3,120.34	10.9	2.6	NA	TH.DOI
PVC	50.0	15.6	780.00	10.2	1.0	NA	TH.DOI
PVS	446.7	25.0	11,167.51	7.0	1.4	NA	TH.DOI

FTSE Vietnam (UCITS ETF)

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
MSN	HOSE	734.9	67,244.39	15.35%	91.5	149.55	4.89	119,349	169,151	378,422
VIC	HOSE	908.8	57,706.43	14.46%	63.5	8.78	4.18	645,337	679,636	460,878
HPG	HOSE	481.9	23,083.51	11.74%	47.9	10.12	2.32	571,187	731,021	789,481
PVD	HOSE	275.3	22,433.54	8.68%	81.5	11.42	2.38	408,328	431,397	485,117
DPM	HOSE	379.9	12,727.80	8.01%	33.5	6.13	1.41	1,355,384	2,173,381	1,256,708
HAG	HOSE	718.2	17,666.61	7.98%	24.6	20.20	1.45	2,583,186	3,005,702	4,690,939
VCB	HOSE	2,317.4	61,411.55	6.11%	26.5	15.31	1.57	689,777	728,933	927,534
STB	HOSE	1,142.5	21,936.22	4.13%	19.2	9.96	1.43	458,278	490,612	967,654
BVH	HOSE	680.5	22,931.89	3.08%	33.7	21.95	2.06	404,721	405,453	505,014
ITA	HOSE	718.1	5,744.60	2.71%	8.0	60.52	0.73	6,107,380	8,441,471	10,386,445
HSG	HOSE	96.3	4,343.72	2.68%	45.1	8.60	2.16	178,873	184,418	285,907
GMD	HOSE	114.4	3,249.58	2.26%	28.4	18.09	0.78	299,200	244,548	433,337
PPC	HOSE	318.2	6,299.46	2.03%	19.8	4.06	1.26	504,689	611,133	1,076,467
VSH	HOSE	206.2	3,341.11	1.74%	16.2	16.97	1.30	293,461	528,806	959,857
CSM	HOSE	67.3	2,570.55	1.64%	38.2	7.30	2.09	404,467	428,822	719,770
KBC	HOSE	289.8	2,897.61	1.48%	10.0	44.76	0.82	763,984	907,914	1,468,548
DRC	HOSE	83.1	3,563.87	1.33%	42.9	9.57	2.50	241,424	347,913	425,463
PVT	HOSE	232.6	3,093.58	1.18%	13.3	13.70	1.16	642,375	927,151	2,334,347
DIG	HOSE	143.0	2,273.63	1.01%	15.9	43.86	1.01	220,375	526,701	894,026
OGC	HOSE	300.0	3,000.00	0.91%	10.0	59.05	1.02	2,164,436	2,601,515	3,438,081
PET	HOSE	69.8	1,166.36	0.87%	16.7	7.84	1.01	538,823	529,766	926,505

Công ty quản lý
Chỉ số tham chiếu

DB Platinum Advisors
FTST Vietnam Index

Ngày lập quỹ **15/01/2008**
Ngày lập chỉ số **14/05/2007**

SLCKVN **22/22**
TGTTSQL **361 mil.**

Market Vectors Vietnam ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
PVS	HNX	446.7	11,167.51	5.37%	25.0	7.01	1.40	2,166,267	2,449,907	2,914,869
VIC	HOSE	908.8	57,706.43	8.00%	63.5	8.78	4.18	645,337	679,636	460,878
VCB	HOSE	2,317.4	61,411.55	7.00%	26.5	15.31	1.57	689,777	728,933	927,534
BVH	HOSE	680.5	22,931.89	6.50%	33.7	21.95	2.06	404,721	405,453	505,014
DPM	HOSE	379.9	12,727.80	5.79%	33.5	6.13	1.41	1,355,384	2,173,381	1,256,708
STB	HOSE	1,142.5	21,936.22	4.26%	19.2	9.96	1.43	458,278	490,612	967,654
PVD	HOSE	275.3	22,433.54	3.22%	81.5	11.42	2.38	408,328	431,397	485,117
ITA	HOSE	718.1	5,744.60	3.73%	8.0	60.52	0.73	6,107,380	8,441,471	10,386,445
SHB	HNX	886.1	7,797.53	2.86%	8.8	10.12	0.83	5,741,147	7,335,176	10,193,936
PPC	HOSE	318.2	6,299.46	1.58%	19.8	4.06	1.26	504,689	611,133	1,076,467
OGC	HOSE	300.0	3,000.00	2.33%	10.0	59.05	1.02	2,164,436	2,601,515	3,438,081
GMD	HOSE	114.4	3,249.58	1.62%	28.4	18.09	0.78	299,200	244,548	433,337
MSN	HOSE	734.9	67,244.39	8.00%	91.5	149.55	4.89	119,349	169,151	378,422
HAG	HOSE	718.2	17,666.61	2.83%	24.6	20.20	1.45	2,583,186	3,005,702	4,690,939
DRC	HOSE	83.1	3,563.87	1.28%	42.9	9.57	2.50	241,424	347,913	425,463
VCG	HNX	441.7	5,433.04	3.58%	12.3	12.47	1.10	1,455,124	1,909,112	3,857,281
PVT	HOSE	232.6	3,093.58	2.05%	13.3	13.70	1.16	642,375	927,151	2,334,347

Công ty quản lý
Chỉ số tham chiếu

Van Eck Global
Market Vector Vietnam Index

Ngày lập quỹ **08/11/2009**
Ngày lập chỉ số **24/11/2008**

SLCKVN **17/27**
TGTTSQL **439.5 mil.**

MSCI Frontier Market Index ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
VIC	HOSE	908.8	57,706.43	0.00%	63.5	8.78	4.18	645,337	679,636	460,878
MSN	HOSE	734.9	67,244.39	0.00%	91.5	149.55	4.89	119,349	169,151	378,422
DPM	HOSE	379.9	12,727.80	0.00%	33.5	6.13	1.41	1,355,384	2,173,381	1,256,708
HAG	HOSE	718.2	17,666.61	0.00%	24.6	20.20	1.45	2,583,186	3,005,702	4,690,939
VCB	HOSE	2,317.4	61,411.55	0.00%	26.5	15.31	1.57	689,777	728,933	927,534
STB	HOSE	1,142.5	21,936.22	0.00%	19.2	9.96	1.43	458,278	490,612	967,654
BVH	HOSE	680.5	22,931.89	0.00%	33.7	21.95	2.06	404,721	405,453	505,014
CTG	HOSE	3,723.4	57,712.77	0.00%	15.5	8.69	1.09	541,892	684,964	1,143,282
GAS	HOSE	1,895.0	185,710.00	0.00%	98.0	15.35	5.65	399,432	453,408	393,499

Công ty quản lý
Chỉ số tham chiếu

Royal Bank of Scotland
MSCI Frontier Markets Index

Ngày lập quỹ
Ngày lập chỉ số

19/09/2011
30/11/2007

SLCKVN
TGTTSQL

9/142
22.25 mil.

iShares MSCI Frontier 100 Index Fund

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
MSN	HOSE	734.9	67,244.39	0.81%	91.5	149.55	4.89	119,349	169,151	378,422
VIC	HOSE	908.8	57,706.43	0.55%	63.5	8.78	4.18	645,337	679,636	460,878
DPM	HOSE	379.9	12,727.80	0.26%	33.5	6.13	1.41	1,355,384	2,173,381	1,256,708
VCB	HOSE	2,317.4	61,411.55	0.20%	26.5	15.31	1.57	689,777	728,933	927,534
STB	HOSE	1,142.5	21,936.22	0.14%	19.2	9.96	1.43	458,278	490,612	967,654
BVH	HOSE	680.5	22,931.89	0.10%	33.7	21.95	2.06	404,721	405,453	505,014

Công ty quản lý
Chỉ số tham chiếu

iShares
MSCI Frontier 100 Index

Ngày lập quỹ
Ngày lập chỉ số

12/09/2012
30/11/2007

SLCKVN
TGTTSQL

6/102
519.45 mil.

iShares MSCI Vietnam Investable Market Index Fund ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
-------	-----	-------------------	-----------------	----------	---------------	-------------	-------------	---------------------	---------------------	---------------------

Công ty quản lý
Chỉ số tham chiếu

iShares
MSCI VN Investable Market Indx

Ngày lập quỹ
Ngày lập chỉ số

01/12/2010

SLCKVN
TGTTSQL

4,752.96 mil.

Chỉ số bình quân ngành	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
Hóa chất & Tài nguyên cơ bản					
Hóa Chất					
Nhựa, cao su & sợi	7,482	6.5	1.0	15.7%	10.4%
Sản phẩm hóa dầu, Nông dược & Hóa chất khác	19,843	6.8	1.5	23.4%	17.3%
Lâm nghiệp và giấy					
Lâm sản và Chế biến gỗ	1,778	29.3	0.8	2.0%	1.5%
Sản xuất giấy	786	8.3	0.8	10.8%	5.6%
Kim loại					
Thép và sản phẩm thép	36,118	18.6	2.0	18.9%	8.1%
Khai khoáng					
Khai thác than	1,852	4.7	0.8	17.9%	3.7%
Khai khoáng	12,220	52.5	5.0	2.1%	1.5%
Xây dựng và vật liệu					
Xây dựng và vật liệu					
Vật liệu xây dựng & Nội thất	19,978	18.5	1.4	17.2%	9.3%
Xây dựng	31,095	65.4	1.1	1.6%	1.6%
Hàng và dịch vụ công nghiệp					
Hàng công nghiệp					
Containers & Đóng gói	2,168	7.8	1.1	16.6%	8.7%
Công nghiệp phức hợp	377	4.1	0.8	20.5%	14.7%
Điện tử và thiết bị điện					
Hàng điện & điện tử	1,615	10.5	1.0	8.1%	4.0%
Thiết bị điện	1,634	14.6	0.7	-0.9%	-1.5%
Công nghiệp nặng					
Xe tải & Đóng tàu	43	26.9	0.6	2.2%	1.5%
Máy công nghiệp	8,308	7.2	1.3	19.3%	13.0%
Vận tải					
Vận tải thủy	7,602	2.5	0.9	2.9%	0.6%
Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng	8,984	11.1	1.4	16.5%	12.4%
Dịch vụ vận tải	5,191	8.0	1.3	18.0%	11.0%
Tư vấn & hỗ trợ kinh doanh					
Tư vấn & Hỗ trợ KD	3,059	15.3	1.4	8.3%	1.9%
Đào tạo & Việc làm	237	19.3	0.7	4.5%	1.8%
Nhà cung cấp thiết bị	189	8.7	0.8	10.1%	4.3%
Chất thải & Môi trường	171	2.6	0.8	35.5%	16.3%
Ô tô và Phụ tùng					
Ô tô và Phụ tùng					
Sản xuất ô tô	2,103	20.6	1.7	13.4%	7.5%
Lốp xe	6,879	8.3	2.2	29.0%	12.8%
Thực phẩm và đồ uống					
Bia và đồ uống					
Sản xuất bia	1,461	7.5	1.2	15.3%	9.0%
Vang & Rượu mạnh	255	10.8	1.8	18.7%	11.9%
Đồ uống & giải khát	261	7.5	1.4	14.2%	9.7%
Sản phẩm thực phẩm					
Nuôi trồng nông & hải sản	14,587	13.9	1.3	12.3%	5.9%
Thực phẩm	209,256	23.5	5.5	24.5%	18.4%
Hàng cá nhân và gia dụng					
Hàng gia dụng					
Đồ gia dụng lâu bền	50	39.8	0.6	1.6%	1.2%
Thiết bị gia dụng	2,147	7.8	1.0	13.5%	6.5%
Hàng hóa giải trí					
Điện tử tiêu dùng	150	3.8	1.3	30.7%	21.1%
Hàng cá nhân					
Hàng may mặc	3,098	8.4	1.5	17.5%	7.1%
Giày dép	9	1.3	0.5	-33.3%	-19.0%
Hàng cá nhân	5,096	9.4	1.8	16.5%	9.0%
Thuốc lá					
Thuốc lá	710	4.5	1.0	-6.5%	2.9%

Chỉ số bình quân ngành	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
Y tế					
Thiết bị và dịch vụ y tế					
Thiết bị y tế	830	19.1	0.9	5.1%	2.8%
Dụng cụ y tế	155	3.7	2.0	31.8%	13.1%
Dược phẩm					
Công nghệ sinh học	161	10.3	1.0	10.0%	6.6%
Dược phẩm	16,142	12.9	3.3	26.0%	17.0%
Bán lẻ					
Phân phối thực phẩm và dược					
Phân phối thực phẩm	353	46.3	1.1	2.4%	0.7%
Bán lẻ					
Bán lẻ phức hợp	701	12.9	1.1	11.9%	7.9%
Phân phối hàng chuyên dụng	2,276	8.9	1.4	15.2%	3.3%
Truyền thông, Du lịch và Giải trí					
Truyền thông					
Dịch vụ truyền thông	10	2.7	0.5	18.3%	11.3%
Sách, ấn bản & sản phẩm văn hóa	1,051	8.6	0.9	12.0%	8.0%
Du lịch và giải trí					
Hàng không	165	7.2	3.1	52.7%	27.1%
Khách sạn	5,792	30.1	2.6	7.2%	3.4%
Dịch vụ giải trí	2,057	21.2	1.5	13.5%	11.0%
Vận tải hành khách & Du lịch	1,217	28.7	2.0	15.4%	13.8%
Viễn Thông & Công nghệ thông tin					
Viễn thông cố định					
Viễn thông cố định	51	11.9	0.4	3.1%	1.6%
Phần mềm và dịch vụ máy tính					
Dịch vụ máy tính	614	19.9	0.8	3.7%	1.3%
Internet	252	53.2	0.6	1.1%	0.2%
Phần mềm	19,159	11.8	2.6	23.7%	10.0%
Thiết bị và phần cứng					
Phần cứng	406	13.9	0.7	4.3%	1.6%
Thiết bị văn phòng	270	5.5	1.1	20.1%	14.9%
Thiết bị viễn thông	2,123	13.0	0.7	5.4%	4.0%
Điện nước, xăng dầu và khí đốt					
Sản xuất & phân phối điện					
Sản xuất & phân phối điện	22,236	7.2	1.2	18.6%	9.2%
Nước & khí đốt					
Phân phối xăng dầu & khí đốt	194,682	15.0	5.5	39.9%	25.2%
Nước	1,179	6.4	1.0	16.7%	11.2%
Bảo hiểm, Dịch vụ tài chính, Ngân hàng, Bất động sản					
Bảo hiểm phi nhân thọ					
Bảo hiểm phức hợp	1,197	9.9	0.8	8.1%	3.1%
Bảo hiểm phi nhân thọ	6,714	11.8	0.7	6.3%	3.2%
Tái bảo hiểm	2,974	9.9	1.2	12.7%	6.9%
Bảo hiểm nhân thọ					
Bảo hiểm nhân thọ	24,973	22.0	2.1	9.4%	2.3%
Dịch vụ tài chính					
Tài chính đặc biệt	3,270	59.0	1.0	1.7%	0.5%
Môi giới chứng khoán	24,585	13.8	1.4	8.2%	5.8%
Ngân hàng					
Ngân hàng	250,276	11.1	1.3	11.6%	0.9%
Bất động sản					
Bất động sản	138,748	12.6	2.6	30.5%	6.6%
Tur Vốn, Định giá, Môi giới Bất động sản	5	203.1	0.5	0.2%	0.1%
Dầu khí					
Thiết bị, dịch vụ và phân phối					
Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí	36,601	9.5	2.0	21.7%	8.4%

- | | | | |
|---------------------------|--|--------------------------|--|
| ▶ Nguyễn Hữu Quang | Giám đốc Tư vấn Đầu tư
quangnh@vietinbanksc.com.vn | | |
| ▶ Nguyễn Quang Sắc | sacnq@vietinbanksc.com.vn
- Tổng hợp thông tin vĩ mô
- Phân tích kỹ thuật
- Nhận định, bình luận thị trường | ▶ Nguyễn Thu Hằng | hangntt@vietinbanksc.com.vn
- Ngân hàng
- Thép và sản phẩm thép
- Dược phẩm |
| ▶ Nguyễn Hoài Nam | namnh@vietinbanksc.com.vn
- Sản phẩm hóa dầu
- Phân phối xăng dầu, khí đốt
- Thiết bị và dịch vụ dầu khí | ▶ Vũ Ánh Nguyệt | nguyetva@vietinbanksc.com.vn
- Nhựa, cao su, sợi
- Thực phẩm
- Nuôi trồng nông và hải sản |

Bản báo cáo này được chuẩn bị cho mục đích duy nhất là cung cấp thông tin và không nhằm đưa ra bất kỳ đề nghị hay hướng dẫn mua bán chứng khoán cụ thể nào. Các quan điểm và khuyến cáo được trình bày trong bản báo cáo này không tính đến sự khác biệt về mục tiêu, nhu cầu, chiến lược và hoàn cảnh cụ thể của từng nhà đầu tư. Ngoài ra, nhà đầu tư cũng ý thức có thể có các xung đột lợi ích ảnh hưởng đến tính khách quan của bản báo cáo này. Nhà đầu tư nên xem báo cáo này như một nguồn tham khảo khi đưa ra quyết định đầu tư và phải chịu toàn bộ trách nhiệm đối với quyết định đầu tư của chính mình. VietinBankSc tuyệt đối không chịu trách nhiệm đối với toàn bộ hay bất kỳ thiệt hại nào, hay sự kiện bị coi là thiệt hại, đối với việc sử dụng toàn bộ hoặc từng phần thông tin hay ý kiến nào của bản báo cáo này.

Toàn bộ các quan điểm thể hiện trong báo cáo này đều là quan điểm cá nhân của người phân tích. Không có bất kỳ một phần thu nhập nào của người phân tích liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến các khuyến cáo hay quan điểm cụ thể trong bản báo cáo này.

Thông tin sử dụng trong báo cáo này được VietinBankSc thu thập từ những nguồn mà chúng tôi cho là đáng tin cậy. Tuy nhiên, chúng tôi không đảm bảo rằng những thông tin này là hoàn chỉnh hoặc chính xác. Các quan điểm và ước tính trong đánh giá của chúng tôi có giá trị đến ngày ra báo cáo và có thể thay đổi mà không cần báo cáo trước.

Bản báo cáo này được giữ bản quyền và là tài sản của VietinBankSc. Mọi sự sao chép, chuyển giao hoặc sửa đổi trong bất kỳ trường hợp nào mà không có sự đồng ý của VietinBankSc đều trái luật.

Bản quyền thuộc VietinBankSc, 2013. Vui lòng trích nguồn khi sử dụng các thông tin trong bản báo cáo này.